TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Bà Trần Kim Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2019/TLST-HNGD ngày 23 tháng 8 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Văn B, sinh năm 1981; địa chỉ: tổ 2, ấp HT1, xã PH, huyện PT, tỉnh AG;

- Bị đơn: Chị Lê Thị Mỹ C, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp BHB, xã BTT, huyện LV, tỉnh ĐT.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 9 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 20 tháng 8 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Phan Văn B trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2005 anh B và chị C tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2006 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai, mặc dù anh B đã cố gắng dung hòa để giữ mối quan hệ vợ chồng nhưng không được nên vợ chồng đã xa nhau từ đó cho đến nay. Nay xét thấy

tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh Phan Văn B yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ C.

2. Về con chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 11/10/2006. Do anh B và chị C không đăng ký kết hôn nên không làm được giấy khai sinh cho con mà phải mượn vợ chồng người em của chị C là Lê Thị Mỹ N và Bùi Thanh S đứng tên trong giấy khai sinh dùm. Trong quá trình hoà giải và tại phiên toà anh B rút yêu cầu về con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, nếu sau này có tranh chấp về con chung thì sẽ yêu cầu Toà án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Toà ngày hôm nay, bị đơn chị Lê Thị Mỹ C trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh B tổ chức đám cưới vào năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn và xa nhau cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay anh Phan Văn B yêu cầu ly hôn thì chị C cũng đồng ý.

2. Về con chung: Quá trình sống chung chị C và anh B có 01 con chung tên Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 11/10/2006. Do chị C và anh B không đăng ký kết hôn nên không làm được giấy khai sinh cho con mà phải mượn vợ chồng người em là Lê Thị Mỹ N và Bùi Thanh S đứng tên trong giấy khai sinh dùm. Nay ly hôn thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết. Sau này nếu có tranh chấp về con chung thì sẽ yêu cầu Toà án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Văn B yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ C, về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn" và bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn B và chị Lê Thị Mỹ C đều thừa nhận anh chị tổ chức đám cưới và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2005 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình sống chung anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy, việc

anh B và chị C sống chung với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này". Do đó, không công nhận anh Phan Văn B và chị Lê Thị Mỹ C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Tại phiên toà anh B rút yêu cầu về con chung, không có yêu cầu Toà án giải quyết và chị C cũng thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung. Do đó, Toà án đình chỉ yêu cầu giải quyết về con chung của anh Phan Văn B.

[4] Về tài sản chung: Anh B và chị C đều thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh B và chị C đều thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Văn B phải chịu án phí là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Mỹ C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Phan Văn B và chị Lê Thị Mỹ C là vợ chồng.

2. Về con chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết về con chung của anh Phan Văn B.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phan Văn B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

mà anh B đã nộp theo biên lai số BH/2018/0006154 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Trong hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án hôm nay các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Văn Nội